

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 28-02-2020  
V/v: Ly hôn giữa chị N, anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Công Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Ông Triệu Văn Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên

Ngày 28-02-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 591/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-02-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú tại: Số nhà 14 ngõ 2/69 đường P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Đức T; sinh năm 1980

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú tại: Số nhà 14 ngõ 2/69 đường P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa chị N có mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố N. Vợ chồng sống hòa

thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, hay nhậu nhẹt, chơi lô đề, cờ bạc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Đức V, sinh ngày 14-01-2005 và Đỗ Đức K, sinh ngày 21-9-2009. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 02 con. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Đỗ Đức V và Đỗ Đức K có đơn trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ.

Tổ trưởng tổ dân phố P, phường M, thành phố N xác nhận vợ chồng chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể không nắm được, vợ chồng hiện nay không sống cùng nhau và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị N và anh T; giao con chung Đỗ Đức V và Đỗ Đức K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt, không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn mà chỉ chơi lô đề, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng hiện nay đang ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị N và anh T không sống cùng nhau, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Tại phiên tòa chị Ngoan vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và xin trực tiếp nuôi con. Anh

T cô tình không đến Tòa án giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có lý do. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử lý hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Đỗ Đức V, sinh ngày 14-01-2005 và Đỗ Đức K, sinh ngày 21-9-2009. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung, hai cháu Đỗ Đức V và Đỗ Đức K đều có đơn trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin ở với mẹ. Xét thấy hai cháu Đỗ Đức V và Đỗ Đức K hiện nay do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh T không đến Tòa án giải quyết nên không có quan điểm gì; vì vậy giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con không vi phạm đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và Anh Đỗ Đức T;

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đỗ Đức V, sinh ngày 14-01-2005 và Đỗ Đức K, sinh ngày 21-9-2009. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Anh Đỗ Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002627 ngày 10-12-2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

4. Chị Nguyễn Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Đỗ Đức T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trần Công Khánh**